

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

Bậc đào tạo: Cao Đẳng chuyên nghiệp

HỌC PHẦN: VẬT LIỆU LẠNH

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2015 - 2016

Lớp: 14CD-NL

Ngày thi: ____/____/____

Thời gian thi: 60 phút

(Học sinh không được sử dụng tài liệu, không được ghi vào đề, nộp lại đề)

*** Nội dung đề: 001**

01. Môi chất lạnh Freon...

- A. Không hoà tan dầu và nước. B. Hoà tan dầu, không hoà tan nước.
C. Hoà tan nước, không hoà tan dầu.

02. Chọn câu sai, trong hệ thống lạnh sử dụng môi chất Freon, dầu bôi trơn:

- A. Hoà tan hoàn toàn vào môi chất. B. Không hòa tan vào môi chất.
C. Hoà tan rất ít vào môi chất.

03. Cấu trúc cách nhiệt tường theo thứ tự từ ngoài vào.

- A. Vữa trát, lưới mắt cáo, bitum chống ẩm, lớp cách nhiệt styrofor
B. Vữa trát, tường gạch, chống ẩm bitum, lớp cách nhiệt styrofor, lưới mắt cáo, giấy dầu, vữa trát.
C. Vữa trát, tường gạch, chống ẩm bitum, giấy dầu, lớp cách nhiệt styrofor, lưới mắt cáo, vữa trát.
D. Vữa trát, tường gạch, chống ẩm bitum, giấy dầu, lớp cách nhiệt styrofor, lưới mắt cáo.

04. Hệ số dẫn nhiệt của vật liệu cách nhiệt phụ thuộc:

- A. Khối lượng riêng, nhiệt độ, áp suất. B. Khối lượng riêng, nhiệt độ, hệ số điện môi
C. Khối lượng riêng, hệ số điện môi, áp suất. D. Khối lượng riêng, áp suất, hệ số giãn nở

05. Phát biểu nào sau đây là sai

- A. Dầu có độ nhớt thấp dùng cho nhiệt độ ngưng tụ thấp.
B. Nhiệt độ bay hơi cao thì sử dụng dầu tổng hợp có chất lượng cao
C. Dầu có độ nhớt cao dùng cho nhiệt độ ngưng tụ cao và thể nhiệt máy nén lớn
D. Nhiệt độ bay hơi rất thấp thì sử dụng dầu tổng hợp có chất lượng cao

06. Có mấy nguyên tắc hút ẩm:

- A. 2 B. 4 C. 3 D. 5

07. Vật liệu hút ẩm:

- A. Tác dụng với dầu bôi trơn, làm chất xúc tác cho các phản ứng.
B. Hình dáng không cố định, có khả năng tái sinh dễ dàng.
C. Không tác dụng với dầu bôi trơn, không làm chất xúc tác cho các phản ứng.

08. Ứng dụng của vật liệu chịu lửa-nhiệt :

- A. Tăng cường cách nhiệt; sử dụng khi nhiệt độ và tải trọng làm việc không lớn
B. Tăng cường cách nhiệt; sử dụng khi nhiệt độ làm việc nhỏ và tải trọng làm việc lớn
C. Tăng cường cách nhiệt; sử dụng khi nhiệt độ và tải trọng làm việc lớn
D. Tăng cường cách nhiệt; sử dụng khi nhiệt độ làm việc lớn và tải trọng làm việc nhỏ

09. Hệ số dẫn nhiệt của vật liệu cách nhiệt phụ thuộc vào :

- A. Khối lượng riêng, Độ xốp của vật liệu, chất khí và áp suất của nó chứa trong vật liệu.
- B. Độ xốp của vật liệu, khối lượng riêng, chất khí và áp suất của nó chứa trong vật liệu.
- C. Độ xốp của vật liệu, cấu trúc bọt xốp, khối lượng riêng
- D. Độ xốp của vật liệu, cấu trúc bọt xốp, chất khí và áp suất của nó chứa trong vật liệu.

10. Vật liệu phi kim loại dùng trong hệ thống lạnh để:

- A. Dẫn điện, dẫn nhiệt, làm đệm kín, làm kính quan sát dầu.
- B. Dẫn điện, cách nhiệt, làm kính quan sát dầu.
- C. Cách điện, dẫn nhiệt, làm đệm kín, làm kính quan sát dầu
- D. Cách điện, cách nhiệt, làm đệm kín, làm kính quan sát dầu.

11. Vật liệu cách nhiệt hữu cơ có nhiệt độ làm việc:

- A. Cao hay thấp tùy thuộc vào khối lượng riêng của vật liệu
- B. Thấp
- C. Cao

12. Chọn câu sai; để loại ẩm ra khỏi hệ thống lạnh dùng biện pháp sau :

- A. Kiểm tra nhiệt độ đông đặc, lưu động của dầu trong HTL .
- B. Sấy khô máy và thiết bị trước khi lắp .
- C. Dùng phin sấy lọc trên đường gas đi.
- D. Nạp gas và dầu không nhiễm ẩm.

13. Yêu cầu của vật liệu cách nhiệt:

- A. Không hút nước, độ trở thấm cao, khối lượng riêng nhỏ, không cháy, tuổi thọ cao.
- B. Hệ số dẫn nhiệt nhỏ, không hút nước, độ trở thấm cao, khối lượng riêng nhỏ, không cháy, tuổi thọ cao.
- C. Hệ số dẫn nhiệt lớn, không hút nước, độ trở thấm cao, khối lượng riêng nhỏ, không cháy, tuổi thọ cao.

14. Công tắc áp lực dầu tác động là do.

- A. Áp suất dầu bơm dầu giảm .
- B. Hiệu áp suất dầu bơm dầu và áp suất catte quá thấp.
- C. Áp suất catte tăng quá cao.

15. Tính chất nào quyết định chất lượng dầu bôi trơn:

- A. Sự sủi bọt.
- B. Nhiệt độ đông đặc và nhiệt độ lưu động.
- C. Độ nhớt.
- D. Màu sắc, hình dạng.

16. Cánh nhôm mỏng có trên thiết bị bay hơi làm lạnh không khí là.

- A. Làm cho thiết bị bay hơi cứng hơn.
- B. Giảm trở lực lưu thông không khí qua dàn
- C. Làm tăng cường sự trao đổi nhiệt.
- D. Để tăng thẩm mỹ cho thiết bị.

17. Bình tập trung dầu thường được sử dụng trong

- A. Hệ thống nửa kín.
- B. Hệ thống dùng môi chất Freon.
- C. Hệ thống kín.
- D. Hệ thống dùng môi chất NH₃.

18. Đồng và hợp kim của nó thích hợp với HTL:

- A. Sử dụng môi chất NH₃.
- B. Thích hợp với các loại môi chất.
- C. Không thích hợp các loại môi chất.
- D. Sử dụng môi chất Freon.

19. Cách nhiệt chỉ cần đảm bảo:

- A. Bền, chắc, đẹp, không đọng sương, tránh cầu nhiệt.
- B. Tránh ngưng ẩm, đọng sương
- C. Bền và chắc, đẹp
- D. Tránh cầu nhiệt.

- 20. Tính chất nào quan trọng nhất quyết định chất lượng dầu bôi trơn:**
 A. Sự sủi bọt. B. Nhiệt độ đông đặc và nhiệt độ lưu động.
 C. Độ nhớt. D. Nhiệt độ bốc cháy.
- 21. Dầu bôi trơn có tính chất:**
 A. Nhiệt độ lưu động cao. B. Không dẫn điện.
 C. Nhiệt độ bốc cháy thấp. D. Nhiệt độ đông đặc cao.
- 22. Có thể sử dụng hỗn hợp dầu khoáng và dầu tổng hợp?**
 A. Sử dụng được. B. Có thể sử dụng nếu được thử nghiệm trước C. Không thể.
- 23. Tầm coi là vật liệu cách nhiệt có đặc điểm:**
 A. Cách nhiệt các ống dẫn, tường ngăn tốt B. Khó cháy; độ bền cơ cao
 C. Dễ cháy; dễ hư hỏng; dễ mục nát khi ẩm ướt D. Khó hút ẩm; độ bền cơ cao
- 24. Cấu trúc cách nhiệt trần theo thứ tự từ trên xuống:**
 A. Bê tông cốt thép, lớp cách nhiệt styrofor, lớp giấy dầu, bitum chống ẩm, lưới mắt cáo, vữa trát.
 B. Bê tông cốt thép, lớp giấy dầu, lớp cách nhiệt styrofor, bitum chống ẩm, lưới mắt cáo, vữa trát.
 C. Bê tông cốt thép, lớp giấy dầu, bitum chống ẩm, lớp cách nhiệt styrofor, lưới mắt cáo, vữa trát.
 D. Bê tông cốt thép, bitum chống ẩm, giấy dầu, lớp cách nhiệt styrofor, lưới mắt cáo, vữa trát.
- 25. Có mấy phương pháp sản xuất gạch chịu lửa cách nhiệt:**
 A. 2 B. 5 C. 4 D. 3
- 26. Khí không ngưng trong hệ thống lạnh nén hơi sẽ ...**
 A. Tăng áp suất ngưng tụ, tăng nhiệt độ cuối tầm nén, giảm tuổi thọ của máy.
 B. Tăng áp suất ngưng tụ, tăng nhiệt độ cuối tầm nén, tăng tuổi thọ của máy.
 C. Giảm áp suất ngưng tụ, tăng nhiệt độ cuối tầm nén, tăng tuổi thọ của máy.
 D. Tăng áp suất ngưng tụ, giảm nhiệt độ cuối tầm nén, tăng tuổi thọ của máy.
- 27. Dầu lạnh trong máy nén kín, nửa kín :**
 A. Cho phép dẫn điện ở cả pha hơi và pha lỏng . B. Không được dẫn điện.
 C. Cho phép dẫn điện ở pha hơi , không dẫn điện ở pha lỏng .
- 28. Vật liệu kim loại chế tạo máy:**
 A. Tác dụng với môi chất, phản ứng với dầu bôi trơn.
 B. Dẫn điện, dẫn nhiệt, làm đệm kín, làm kính quan sát dầu.
 C. Phản ứng với ẩm và các chất sinh ra trong quá trình vận hành.
 D. Không tác dụng với môi chất, không phản ứng với dầu bôi trơn.
- 29. Môi trường chân không là :**
 A. Môi trường cách nhiệt lý tưởng.
 B. Không dùng môi trường chân không cho cách nhiệt.
 C. Môi trường không có tính cách nhiệt.
- 30. Dầu bôi trơn có các tính chất:**
 A. Dẫn điện, tạo lớp trở nhiệt, phân huỷ ở nhiệt độ vận hành.
 B. Cách điện, tạo lớp trở nhiệt, phân huỷ ở nhiệt độ vận hành.
 C. Dẫn điện, tạo lớp trở nhiệt, không phân huỷ ở nhiệt độ vận hành.
 D. Cách điện, tạo lớp trở nhiệt, không phân huỷ ở nhiệt độ vận hành
- 31. Sự hoà tan dầu trong môi chất sẽ gây ảnh hưởng:**
 A. Sự trao đổi nhiệt trong thiết bị. B. Tăng khả năng khởi động của máy nén.
 C. Tăng năng suất lạnh. D. Tăng hiệu suất làm việc của máy

32. Dầu bôi trơn:

- A. Nhiệt độ lưu động phải cao hơn nhiệt độ bay hơi.
- B. Không có khả năng dẫn điện hoặc dẫn điện kém.
- C. Làm giảm nhiệt độ bay hơi, tạo lớp trở nhiệt trên bề mặt thiết bị trao đổi nhiệt.

33. Nguyên nhân có khí không ngưng trong vòng tuần hoàn môi chất lạnh:

- A. Do có không khí và ẩm.
- B. Do dầu bôi trơn không phù hợp.
- C. Do dầu bôi trơn tác dụng với môi chất lạnh.
- D. Do môi chất lạnh sử dụng không đúng.

34. Trong hệ thống lạnh sử dụng môi chất NH_3 , dầu bôi trơn:

- A. Không hòa tan vào môi chất.
- B. Hoà tan hoàn toàn vào môi chất.
- C. Hoà tan rất ít vào môi chất.

35. Vật liệu cách nhiệt hữu cơ là:

- A. Tấm côi, amiăng; tấm cách nhiệt than bùn
- B. Tấm côi, tấm cách nhiệt từ sợi gỗ; tấm cách nhiệt than bùn
- C. Tấm côi, tấm cách nhiệt từ dăm bào, vỏ bào, sợi gỗ; tấm cách nhiệt than bùn
- D. Tấm côi, tấm cách nhiệt từ sợi gỗ; amiăng

36. Các biện pháp khắc phục sự sủi bọt của dầu bôi trơn:

- A. Thay dầu khác.
- B. Thêm dầu.
- C. Thêm các chất phụ gia chống sự sủi bọt.

37. Vật liệu cách nhiệt vô cơ là:

- A. Amiăng; bông thủy tinh
- B. Tấm côi, amiăng; bông thủy tinh
- C. Bông thủy tinh, tấm cách nhiệt than bùn; amiăng
- D. Tấm côi, amiăng; tấm cách nhiệt than bùn

38. Cấu trúc cách nhiệt nền từ dưới lên trên.

- A. Bê tông, bitum, giấy dầu cách ẩm, gạch vỡ, bê tông xỉ, lớp cách nhiệt styrofor, lớp tráng xi măng.
- B. Bê tông, bitum, giấy dầu cách ẩm, bê tông xỉ, lớp cách nhiệt styrofor, lớp tráng xi măng.
- C. Bê tông, gạch vỡ, bitum và giấy dầu cách ẩm, bê tông xỉ, lớp cách nhiệt styrofor, lớp tráng xi măng.
- D. Bê tông, bitum, giấy dầu cách ẩm, bê tông xỉ, gạch vỡ, lớp cách nhiệt styrofor, lớp tráng xi măng.

39. Vật liệu cách nhiệt lạnh thường dùng trong hệ thống lạnh là :

- A. Bông thủy tinh và amiang, Polyurethan
- B. Bông thủy tinh, amiang và Poly-etylen
- C. Amiăng, polyurethan và sứ
- D. Polyurethan, bông thủy tinh và nhựa tổng hợp

40. Dầu bôi trơn:

- A. Không tạo lớp trở nhiệt.
- B. Làm giảm năng suất lạnh.
- C. Có khả năng tác dụng với môi chất lạnh.
- D. Có khả năng dẫn điện.

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN SOẠN ĐỀ